

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 51 và các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Số A, B, Khu phố C, phường D, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyền số 01/95 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/5/1995).

Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ít quan tâm nhau, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng nhiều, mặc dù cũng đã ngồi lại nói chuyện và tìm cách khắc phục nhưng cả hai đều không thể hàn gắn được tình cảm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T xác định có 02 (hai) con chung họ, tên là Nguyễn Trung H (Nam), sinh ngày 03/3/1996 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Trung T (Nam), sinh ngày 30/10/2005.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn ông Trung sẽ trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Trung T (Nam), sinh ngày 30/10/2005. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T xác định tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T cam kết không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận ký kết hôn số 17, Quyền số 01/95 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/5/1995).

1.2 Về con chung: Bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T có 02 (hai) con chung họ, tên là Nguyễn Trung H (Nam), sinh ngày 03/3/1996 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Trung T (Nam), sinh ngày 30/10/2005.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn ông Nguyễn Văn T (là cha) sẽ trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Trung T (Nam), sinh ngày 30/10/2005. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trịnh Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận.

1.4 Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032391 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND xã X, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (Tk. Đức)

THẨM PHÁN

Đoàn Hồng Phúc